TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **126**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2019
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Và Dưỡng
Bà Nguyễn Thị Quy

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán***: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 462/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1994
Địa chỉ: 42A, khu phố 5, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Ông **Võ Thanh T**, sinh năm 1993
Địa chỉ: khu 19, ấp 1, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Đầu năm 2011 tôi và anh Tình quen biết nhau và tìm hiểu nhau, cho tới cuối năm 2011 thì chúng tôi nảy sinh tình cảm và chung sống với nhau. Vào ngày 06/7/2012 chúng tôi tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Định Quán (được UBND xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 06/7/2012).

Hôn nhân hạnh phúc cho đến tháng 9/2012 thì vợ chồng xảy ra cải cự, khi tôi sinh con anh Tình không đến thăm, từ đó vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng và sống ly thân đến nay đã 07 năm. Từ cuối năm 2012 đến nay anh Tình không hỏi thăm gì đến tôi và con, gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng tôi cảm thấy tình cảm không thể hàn gắn được nữa.

Hiện nay tôi không còn tình cảm gì với anh Tình, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Tình.

Về con chung: Tôi và anh Tình có 01 con chung là Võ Nguyễn Ngọc M – sinh ngày 28/9/2012. Hiện nay tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng con. Ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Tình cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Võ Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt nên không có lời khai.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X được ly hôn với ông Võ Thanh T.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc M cho bà Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, bà X không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà X phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Võ Thanh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà X và ông T.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn" quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X và ông Võ Thanh T tự nguyện đăng ký kết hôn, được UBND xã P, huyện Định Quán cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 06/7/2012. Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì thời điểm đăng ký kết hôn ngày 06/7/2012 ông T chưa bước sang tuổi thứ 20 (chưa đủ tuổi kết hôn), nên việc UBND xã P đăng ký kết hôn cho ông T, bà X là trái pháp luật. Đến nay ông T, bà X đã đủ tuổi kết hôn theo quy định; trong quá trình giải quyết vụ án ông T và bà X không yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật, bà X yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân. Vì vậy Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà

Nguyễn Thị X và ông Võ Thanh T được xác lập từ thời điểm các bên đủ điều kiện kết hôn là ngày 30/9/2012.

Theo nguyên đơn bà X trình bày: Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến tháng 9/2012 thì phát sinh mâu thuẫn; vợ chồng đã ly thân kể từ đó cho đến nay.

Tòa án đã xác minh tại địa phương (ấp 1, xã P, huyện Định Quán) về tình trạng hôn nhân của bà X và ông T, kết quả như sau: tình trạng hôn nhân của bà X và ông T là trầm trọng; vợ chồng ông T, bà X đã ly thân từ lâu.

Bị đơn ông Võ Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt, cũng không có ý kiến phản hồi về các nội dung theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông T không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà X nữa, không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Do ông T không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định tình trạng hôn nhân giữa bà X và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc xin ly hôn với ông Võ Thanh T.

[3.2] Về con chung:

Bà X và ông T có 01 con chung là Võ Nguyễn Ngọc M – sinh ngày 28/9/2012. Theo bà X trình bày và kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương thì hiện nay con chung đang do bà X đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà X có thu nhập ổn định. Ly hôn bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Võ Ngọc Diễm M cũng có nguyện vọng được sống với bà X.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét theo yêu cầu của bà X, kết quả xác minh tại địa phương, nguyện vọng của cháu My, cũng như việc bà X đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung; nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do bà X không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Do chưa có lời khai của ông Võ Thanh T nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X được ly hôn với ông Võ Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung Võ Nguyễn Ngọc M – sinh ngày 28/9/2012 cho Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông Võ Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con; ông T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà X đã nộp, theo Biên lai thu số 0002568 ngày 06/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán được trừ vào tiền án phí bà X phải chịu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- UBND xã P, H.Định Quán;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền